



BÁO CÁO V MÔ THÁNG 12

Ngày 31/12/2014

❖ Kinh tế vĩ mô

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 ước tính tăng 5,98% so với năm 2013
- CPI tháng 12/2014 tăng 1,84% so với cùng kỳ năm 2013. CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với bình quân năm 2013, mức tăng khá thấp trong 10 năm trở lại đây
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12 ước tính tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2013. Tính chung cả năm 2014, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 7,6% so với năm 2013 và xu hướng tăng nhanh vào các tháng cuối năm
- Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ thời điểm 01/12/2014 tăng 4,4% so với tháng trước; tăng 10% so với cùng thời điểm năm 2013
- Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng Mười Một năm nay tăng 3% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2014 ước tính đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch năm 2014
- Bội chi ngân sách ước tính 15/12/2014 là 154,4 nghìn tỷ đồng, bằng 69% mức bội chi năm Quê hương phê duyệt năm 2014 là 244 nghìn tỷ đồng

❖ Tài chính ngân hàng

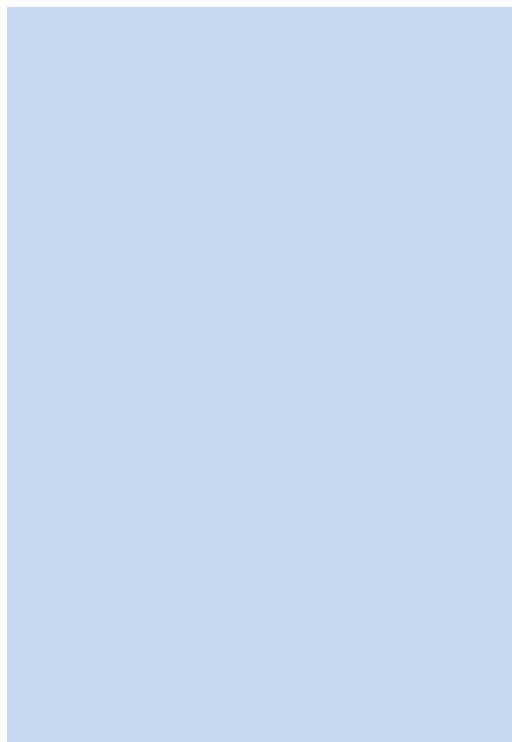
- Tỷ trọng tín dụng cả ngành ngân hàng là 11%. Dự báo cả năm tăng khoảng 13%.
- WAMC, tính chung từ khi hoạt động năm 2014, doanh số mua bán kỳ hạn từ 125 - 130 nghìn tỷ đồng giá mua 105 nghìn tỷ đồng
- Năm 2014 نرخ toàn hệ thống có thể đạt 3-3,5%

❖ Diễn biến thị trường chứng khoán tháng 12

Chỉ số phiên giao dịch ngày 31/12, VN-Index đạt mức 545 điểm, giảm 21 điểm, tăng trưởng giảm 4.2 %, sàn HNX-Index đạt mức 82 điểm, giảm 6 điểm, tăng trưởng giảm 5.9% so với phiên giao dịch 31/11. Khó khăn giao dịch bình quân trên sàn Hose đạt mức khá 105 triệu đồng/cp/phiên, giảm 19 % về giá trị 1.762 tỷ đồng/phiên, giảm 19% so với trung bình tháng 11, còn trên sàn HNX khó khăn giao dịch bình quân tháng 12 đạt 51 triệu đồng/cp/phiên, giảm 20%, giá trị 705 tỷ đồng/phiên,

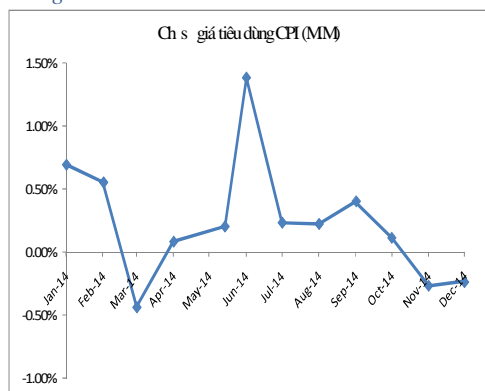
CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG NAM
TRUNG SỞ CHÍNH

- ❖ Địa chỉ : 28 – 30 – 32 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM.
- ❖ Tel: (848) 62556518
- ❖ Fax: (848) 62556519
- ❖ Website
www.chungkhoanphuongnam.com.vn



GDP n m 2014 c tính t ng 5,98% so v i n m 2013

CPI tháng 12/2014 c n c gi m 0,24% so v i tháng tr c.



Ngu n: gso.vn

gi m 32% so v i trung bình tháng 11

❖ **Nh n nh th tr ng ch ng khoán tháng 01/2015**

Th tr ng ch ng khoán trong th i gian t i ch u nh h ng b i thông t 36 có hi u l c t ngày t ngày 01/02/2015, xét th y trong ng n h n dòng v n tham gia vào th tr ng b thu h p d n n thanh kho n trên th tr ng s s t gi m, v dài h n dòng v n tham gia vào th tr ng s n nh và b n v ng h n, theo ó, PNS nh n nh xu h ng tháng 01/2015, th tr ng ti p t c i u ch nh gi m trong ng n h n, dòng v n s c luân chuy n vào các nhóm ngành nh b t ng s n, ngành s m l p và ngành v n t i... là nh ng ngành c d báo có k t qu kinh doanh t t, khuy n ngh nhà u t canh giá gia t ng thêm l ng c phi u trong danh m c, ch n c phi u có thanh kho n t t, n ít, c t c cao và có h ng v t khó trong nh ng phiên lung l c m nh, ho c trong các phiên i u ch nh gi m có th t ng b c gi i ngân cho vi c tích l y c phi u.

Ng ng h tr sàn Hose 532-560 kháng c là 685-590 i m, sàn Hnx 79-84 i m h tr , kháng c là 87-90 i m.

1. **KINH T V MÔ**

T ng s n ph m trong n c (GDP) n m 2014 c tính t ng 5,98% so v i n m 2013, trong ó quý I t ng 5,06%; quý II t ng 5,34%; quý III t ng 6,07%; quý IV t ng 6,96%. M c t ng tr ng n m nay cao h n m c t ng 5,42% c a n m 2013 và m c t ng 5,25% c a n m 2012 cho th y d u hi u tích c c c a n n kinh t .

CPI tháng 12/2014 c n c gi m 0,24% so v i tháng tr c, là tháng có m c CPI gi m trong 10 n m g n ây (không tính n m 2008 là n m nh h ng m nh c a suy thoái kinh t th gi i).

CPI tháng 12 gi m ch y u do giá x ng, d u trong n c c i u ch nh gi m, tác ng làm ch s giá nhóm giao thông gi m 3,09%. Bên c nh ó, giá gas th gi i gi m m nh nên giá gas và giá d u h a trong n c c i u ch nh gi m c ng là nguyên nhân làm cho CPI tháng 12 gi m so v i tháng tr c

CPI tháng 12/2014 t ng 1,84% so v i cùng k n m 2013. CPI bình quân n m 2014 t ng 4,09% so v i bình quân n m 2013, m c t ng khá th p trong 10 n m tr l i ây. Trong n m 2014, ch s giá tiêu dùng bình quân m i tháng t ng 0,15%. M c tiêu ki m soát l m phát c a Chính ph ti p t c c th c hi n thành công, góp ph n quan tr ng giúp các doanh nghi p gi m chi phí u vào, h giá thành s n ph m,

kích thích tiêu dùng, thúc đẩy tăng trưởng.

CPI năm 2014 tăng thấp so với năm trước chủ yếu do mặt sản xuất tác động sau đây

- Nguồn cung lương thực, thực phẩm trong năm có diễn biến nên chỉ số giá nhóm hàng nông và dịch vụ nông nghiệp tháng 12 tăng 2,61% so với tháng 12/2013, thấp hơn nhiều so với mức tăng 5,08% của cùng kỳ năm trước;
- Giá các mặt hàng thi công trên thị trường khá ổn định
- Giá nhiên liệu trên thị trường giảm, nhất là giá dầu thô thị trường giảm này giảm mạnh và tăng tiếp tục giảm dẫn đến giá xăng, dầu trong năm có chiều hướng giảm, kéo theo chỉ số giá nhóm hàng nhà và vật liệu xây dựng và nhóm giao thông tháng 12 năm nay lần lượt giảm 1,95% và giảm 5,57% so với cùng kỳ năm trước, ngược với xu hướng tăng 5,49% và tăng 2,6% của cùng kỳ năm 2013;
- Công tác quản lý giá trong năm 2014 có thể nhìn khá hợp lý khi thị trường ít biến động không trùng vào các tháng cao điểm mùa giã gạo thi công tác động của biến động giá lên CPI. Mặt giá có chiều hướng giảm vì mặt sản phẩm hàng do Nhà nước quản lý như dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế thấp hơn so với năm trước. Năm 2014 chỉ còn 04 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thị trường biến động giá dịch vụ y tế theo Thông tư 04/2012/TTLT-BYT-BTC, thị trường năm 2014 là năm cuối của chu kỳ biến động giá dịch vụ giáo dục theo Nghị quyết 49/2010/N-CP nên mặt giá có chiều hướng tăng thấp hơn nhiều so với những năm trước. Tính chung cả năm 2014, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế và nhóm dịch vụ giáo dục tăng lần lượt là 2,2% và 8,96% so với tháng 12 năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng 23,51% và 12,82% của năm 2013

Chỉ số giá vàng

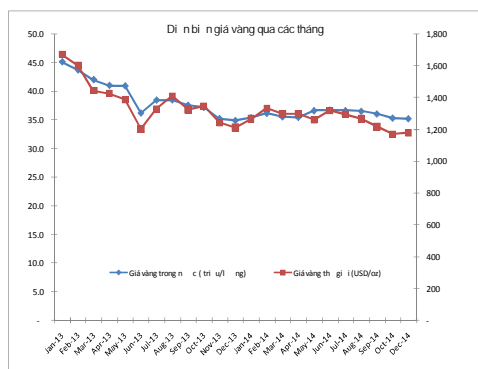
Chỉ số giá vàng tháng 12/2014 giảm 0,05% so với tháng trước; giảm 3,73% so với cùng kỳ năm 2013

Hôm nay 30/12/2014, giá vàng trong nước niêm yết tại các công ty vàng bạc đá quý, các cửa hàng vàng có chiều hướng giảm không đáng kể – khoảng 30.000 đồng mỗi lạng, giá vàng bán ra cao nhất lúc này khoảng 35,17 triệu đồng/lạng, trong khi đó giá vàng thế giới giao ngay ngày nay là \$1187,74/oz, chênh lệch giá vàng trong nước so với giá vàng thế giới là 4,5 triệu đồng/lạng

Chỉ số giá ô la M

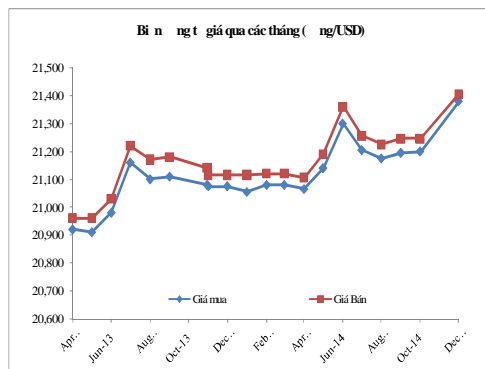
Chỉ số giá ô la M tháng 12/2014 tăng 0,35% so với tháng trước; tăng 1,03% so với cùng kỳ năm 2013

Chênh lệch giá vàng trong nước so với giá vàng thế giới tính đến hết 30/12 là 4,5 triệu đồng/lạng



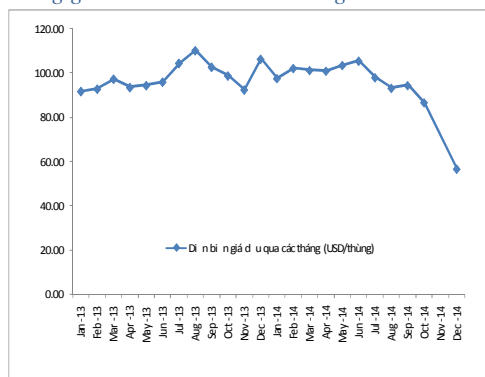
Nguồn: PNS thống kê

Giá đô la Mỹ tháng 12 tăng 0,35% so với tháng trước và tăng 1,03% so với cùng kỳ năm 2013



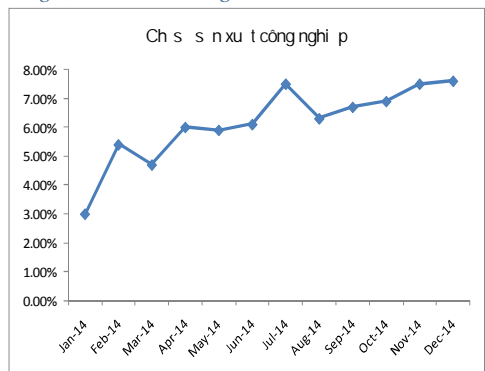
Nguồn: Vietcombank

Giá dầu vào ngày 30/12 giao dịch 56,74 USD/thùng giảm 35% so với đầu tháng



Nguồn: PNS thống kê

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12 tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2013



Nguồn: gso.vn

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của Ngân hàng Việt Nam với USD áp dụng cho ngày 30/12/2014 như sau: 1 USD = 21.246 đồng Việt Nam

Ngân hàng Vietcombank niêm yết tỷ giá USD/VND mua vào – bán ra 21.380 – 21.405 đồng/USD (mua vào – bán ra)

Ngân hàng ACB niêm yết tỷ giá USD/VND mua vào – bán ra 21.360 đồng/USD chỉ mua vào và bán ra mua vào 21.430 đồng/USD

Ngân hàng VietinBank niêm yết tỷ giá USD/VND chỉ mua vào 21.380 đồng/USD và bán ra 21.405 đồng/USD

Giá dầu và xu hướng giá

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/12, dầu thô WTI giao tháng 2/2015 trên thị trường New York tăng 50 cent, tăng 1%, lên 54,12 USD, sau khi có lúc giảm xuống 52,70 USD, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2009

Giá dầu Brent giao tháng 2/2015 trên thị trường Luân Đôn tăng 2 cent lên 57,90 USD/thùng, sau khi giảm xuống 56,74 USD, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2009

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12 tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2013.

Trong các ngành công nghiệp, chỉ số sản xuất ngành khai khoáng tháng 12 tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 11,3%, mức tăng cao nhất trong năm; sản xuất và phân phối điện tăng 9,2%; cung cấp nước, xử lý rác thải, năng lượng tăng 7,6%

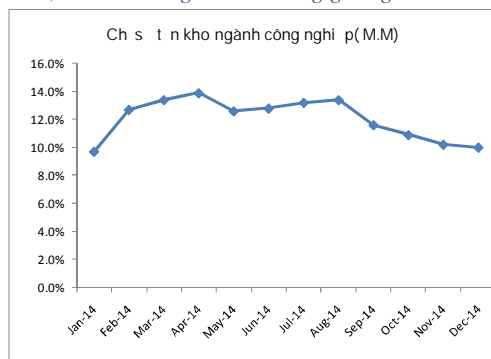
Tính chung năm 2014, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 7,6% so với năm 2013 với xu hướng tăng nhanh vào các tháng cuối năm (Quý I tăng 5,3%, quý II tăng 6,9%, quý III tăng 7,8%, quý IV tăng 10,1%), cao hơn mức tăng 5,9% của năm 2013

Chỉ tiêu thặng dư toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12 năm nay tăng 3% so với tháng trước và tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 11 tháng, chỉ tiêu thặng dư ngành này tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2013, cao hơn mức tăng 3,6% của cùng kỳ năm 2012 và mức tăng 9,2% của cùng kỳ năm 2013. Các ngành có chỉ tiêu thặng dư 11 tháng tăng cao so với cùng kỳ năm 2013

Chỉ số tiêu kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ thời điểm 01/12/2014 tăng 4,4% so với tháng trước

Chỉ số t n kho toàn ngành công nghi p ch
bị n, ch t o ang có xu h ng gi mg nh



Nguồn: gso.vn

và t ng 10% so v i cùng th i i m n m 2013

M t s ngành có ch s t n kho gi m ho c t ng th p h n m c t ng chung: S n xu t s n ph m i n t , máy vi tính và s n ph m quang h c gi m 45,1%; s n xu t s n ph m thu c lá gi m 35,5%; s n xu t gi ng t , bàn gh gi m 19,2%; s n xu t thi t b i n gi m 12,2%; s n xu t hoá ch t và s n ph m hóa ch t gi m 11,2%; s n xu t da và s n ph m có liên quan gi m 6,6%; s n xu t s n ph m t khoáng phi kim lo i khác t ng 1,3%. M t s ngành có ch s t n kho t ng cao h n nhi u so v i m c t ng chung: S n xu t gi y và s n ph m t gi y t ng 89,5%; s n xu t ch bi n th c ph m t ng 40,1%; s n xu t kim lo i t ng 38,3%; s n xu t trang ph c t ng 27,9%; s n xu t thu c, hóa d c và d c li u t ng 21,9%.

Tình hình ho t ng c a doanh nghi p

Trong tháng 12, c n c có 7,052 doanh nghi p thành l p m i v i s v n ng ký là 40,9 nghìn t ng, gi m 9,2% v s doanh nghi p và t ng 5,6% v s v n ng ký so v i tháng tr c. S v n ng ký bình quân m t doanh nghi p trong tháng t 5,8 t ng, t ng 16,3% so v i tháng tr c. S lao ng c a các doanh nghi p thành l p m i trong tháng là 99,1 nghìn ng i, gi m 8,9% so v i tháng tr c.

Trong tháng, c n c có 1,211 doanh nghi p quay tr l i ho t ng, t ng 0,5% so v i tháng tr c; có 7,944 doanh nghi p g p khó kh n ph i t m ng ng ho c ch m d t ho t ng, t ng 30,2%, bao g m 2,088 doanh nghi p ng ký t m ng ng ho t ng có th i h n và 5,856 doanh nghi p ng ng ho t ng ch óng mã s doanh nghi p ho c không ng ký

Trong n m 2014, c n c có 74,842 doanh nghi p ng ký thành l p m i v i t ng v n ng ký là 432,2 nghìn t ng, gi m 2,7% v s doanh nghi p và t ng 8,4% v s v n ng ký so v i n m tr c. S v n ng ký bình quân m t doanh nghi p thành l p m i trong n m t 5,8 t ng, t ng 11,5% so v i n m 2013. S lao ng d ki n c t o vi c làm c a các doanh nghi p thành l p m i trong n m qua là 1091 nghìn ng i, t ng 2,8% so v i n m tr c. Nh v y, m c dù v n ch a th c s thoát kh i b i c nh khó kh n nh ng xét trên khía c nh quy mô v n, doanh nghi p thành l p m i trong n m 2014 ã t ng h n so v i n m 2013. Trong 12 tháng, c n c có 15,419 doanh nghi p quay tr l i ho t ng, t ng 7,1% so v i cùng k n m 2013

Trong n m nay, c n c có 67,823 doanh nghi p g p khó

kh n bu c ph i gi i th , ho c ng ký t m ng ng ho t ng có th i h n, ho c ng ng ho t ng ch óng mã s doanh nghi p ho c không ng ký, bao g m 9501 doanh nghi p ã hoàn thành th t c gi i th , gi m 3,2% so v i n m tr c, s l ng doanh nghi p gi i th ph n l n là nh ng doanh nghi p có quy mô v n d i 10 t ng; 58,322 doanh nghi p khó kh n ph i ng ng ho t ng, t ng 14,5% so v i n m tr c. Trong ó, 11,723 doanh nghi p ng ký t m ng ng ho t ng có th i h n; 46,599 doanh nghi p ng ng ho t ng ch óng mã s doanh nghi p ho c không ng ký.

Xu h ng thanh l c di n ra m nh, t n m 2013 n nay ã sàng l c nh ng doanh nghi p th c s có ch t l ng, không ch linh ho t t n t i qua giai o n khó kh n nh t mà còn tìm ki m thêm c h i kinh doanh m i m r ng quy mô ho t ng. C th , trong n m 2014, có 22,8 nghìn l t doanh nghi p thay i t ng v n v i t ng s v n ng ký t ng thêm là 595,7 nghìn t ng. Nh v y, t ng s v n ng ký m i và ng ký b sung thêm vào n n kinh t trong n m 2014 là 1,027,9 nghìn t ng, bao g m 595,7 nghìn t ng c a doanh nghi p ng ký thành l p m i và 432,2 nghìn t ng c a doanh nghi p thay i t ng v n.

u t tr c ti p n c ngoài FDI

T u n m n th i i m 15/12/2014, u t tr c ti p c a n c ngoài thu hút 1,588 d án c c p phép m i v i s v n ng ký t 15,642,6 tri u USD, t ng 24,5% v s d án và t ng 9,6% v s v n so v i cùng k n m 2013. ng th i có 594 l t d án ã c p phép t các n m tr c c c p v n b sung v i 4,588,3 tri u USD.

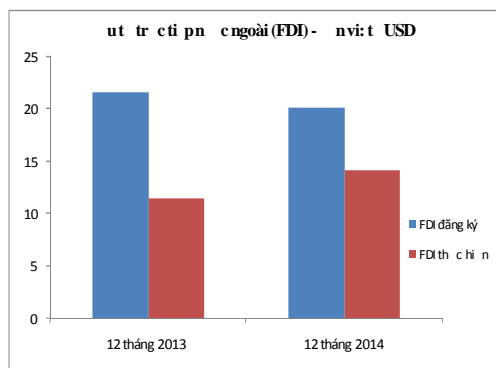
Nh v y t ng v n ng ký c a các d án c p m i và v n c p b sung t 20,230,9 tri u USD, tuy gi m 6,5% so v i cùng k n m 2013 nh ng cao h n 19% so v i k ho ch.

V n u t tr c ti p n c ngoài th c hi n n m 2014 c tính t 12,4 t USD, t ng 7,4% so v i n m tr c và cao h n 2,9% so v i k ho ch n m 2014.

Trong n m, ngành công nghi p ch bi n, ch t o thu hút các nhà u t n c ngoài v i s v n ng ký t 1,4492,8 tri u USD, chi m 71,6% t ng v n ng ký; ngành kinh doanh b t ng s n t 2,545 tri u USD, chi m 12,6%; ngành xây d ng t 1,057,4 tri u USD, chi m 5,2%; các ngành còn l i t 2,135,7 tri u USD, chi m 10,6%.

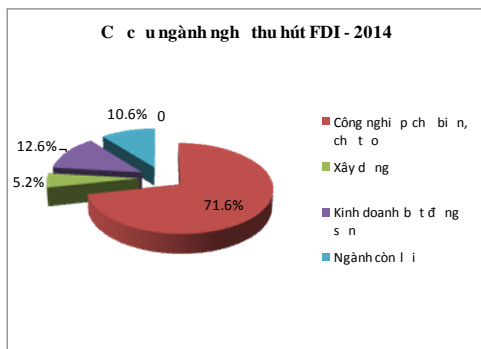
C n c có 52 t nh, thành ph tr c thu c Trung ng có d án u t tr c ti p n c ngoài c c p phép m i trong

12 tháng u n m, c tính các d án FDI ã gi i ngân c 12,4 t USD, t ng 7,4% so v i cùng k n m 2013 và cao h n 2,9% so v i k ho ch



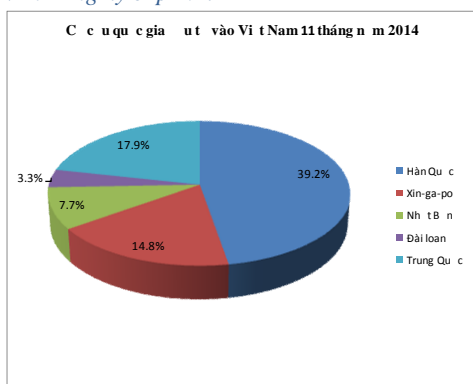
Ngu n: gso.vn

L nh v c công nghi p ch bi n, ch t o chi m t l 71,6% cao nh t trong t ng v n ng ký n m 2014



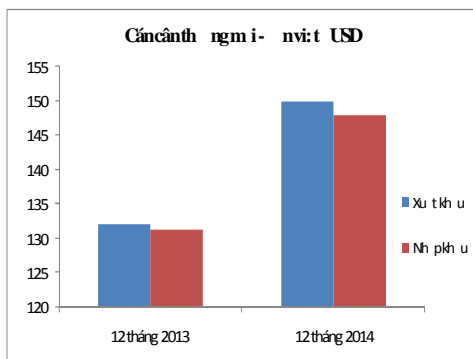
Nguồn: gso.vn

Năm 2014, Hàn Quốc vẫn là nhà đầu tư lớn nhất với 6,128 tỷ USD, chiếm 39,2% tổng vốn đăng ký cộng



Nguồn: gso.vn

Tính chung 12 tháng, xu hướng tăng 2 tỷ USD



Nguồn: gso.vn

năm, trong đó Thái Nguyên đứng đầu với 3,250,6 tỷ USD, chiếm 20,8% tổng vốn đăng ký cộng; tiếp theo là thành phố Hồ Chí Minh 2,863,7 tỷ USD, chiếm 18,3%; Bắc Ninh 1,426,5 tỷ USD, chiếm 9,1%; Khánh Hòa 1,258,6 tỷ USD, chiếm 8%; Hải Phòng 809,3 tỷ USD, chiếm 5,2%; Bình Dương 697 tỷ USD, chiếm 4,5%; Nghệ An 638 tỷ USD, chiếm 4,1%...

Trong số 57 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư cộng; tiếp theo là Việt Nam năm 2014, Hàn Quốc vẫn là nhà đầu tư lớn nhất với 6,128 tỷ USD, chiếm 39,2% tổng vốn đăng ký cộng; tiếp theo là các khu vực hành chính Huyện Công (TQ) với 2,803,4 tỷ USD, chiếm 17,9%; Xin-ga-po 2,310,1 tỷ USD, chiếm 14,8%; Nhật Bản 1,209,8 tỷ USD, chiếm 7,7%; Đài Loan 512,4 tỷ USD, chiếm 3,3%; Quần đảo Virgin thuộc Anh 398,5 tỷ USD, chiếm 2,5%; Bồ Đào Nha 277,2 tỷ USD, chiếm 1,8%...

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 11 năm nay đạt 13,2 tỷ USD, cao hơn 30 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 12 đạt 13,1 tỷ USD, giảm 1% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 4 tỷ USD, tăng 2,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 9,1 tỷ USD, giảm 2,4%. Vốn đầu tư nhóm hàng xuất khẩu năm nay, tiếp tục nhóm hàng công nghiệp phẩm và khoáng sản đạt 66,5 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2013, chiếm 44,3% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu và lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp đạt 24,1 tỷ USD, tăng 13,4% và chiếm 16,1%. Nhóm hàng công nghiệp phẩm đạt 57,9 tỷ USD, tăng 15,9% và chiếm 38,6%. Hàng nông sản, lâm sản đạt 17,8 tỷ USD, tăng 11,4% và chiếm 11,9%. Hàng thủy sản đạt 7,9 tỷ USD, tăng 17,6%, chiếm 5,2%.

Vị thế ngành hàng hóa xuất khẩu năm 2014

Hàng Kĩ thuật tiếp tục là thế lực xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 28,5 tỷ USD, tăng 19,6% so với năm 2013.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 11 năm nay đạt 12,8 tỷ USD, thấp hơn 708 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 12 đạt 14 tỷ USD, tăng 9,4% so với tháng trước, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8,4 tỷ USD, tăng 9,5%; khu vực trong nước đạt 5,6 tỷ USD, tăng 9,3%.

Tính chung năm 2014, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu c tính 148 t USD, tăng 12,1% so với năm trước

Về cơ cấu hàng hóa nhập khẩu năm nay, nhóm hàng tiêu dùng sản xuất c tính 135 t USD, tăng 12,5% so với năm 2013. Đây vẫn là nhóm hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 91,2%, trong đó nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm 55,6 t USD, tăng 10,1% và chiếm 37,6%; nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu 79,4 t USD, tăng 14,3% và chiếm 53,6%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng 13,1 t USD, tăng 9,3% và chiếm 8,8%.

Vị thế thương mại hàng hóa nhập khẩu trong năm, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch c tính 43,7 t USD, tăng 18,2 % so với năm 2013.

Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước tính đến cuối năm 15/12/2014 c tính 814,1 nghìn t, bằng 104% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tính đến cuối năm 15/12/2014 c tính 968,5 nghìn t, bằng 96,2% dự toán năm.

Như vậy, bội chi ngân sách là 154,4 nghìn t, bằng 69% mức bội chi cả năm 2014 là 224 nghìn t.

2. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

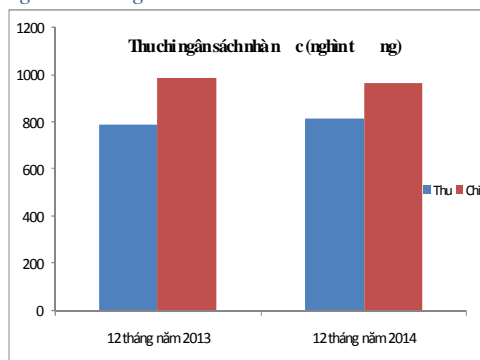
Lãi suất tiền gửi

Hai tháng gần đây, hàng loạt ngân hàng đua nhau giảm lãi suất huy động và cho vay. Hiện lãi suất huy động kỳ hạn 1 tháng của nhiều ngân hàng chỉ còn 4%/năm, kỳ hạn 1 năm còn 6%/năm. Lãi suất cho vay của nhiều ngân hàng giảm còn 7-8%/năm. Các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi chỉ 4,9%/năm của nhiều ngân hàng tung ra. Ông Nguyễn Tiến Đông, Trưởng Vốn tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước) cho biết, tính đến thời điểm này, tỷ trọng tín dụng của ngành ngân hàng là 11%. Dự báo năm tới khoảng 13%.

Thông tin thị trường ngân hàng thế nào?

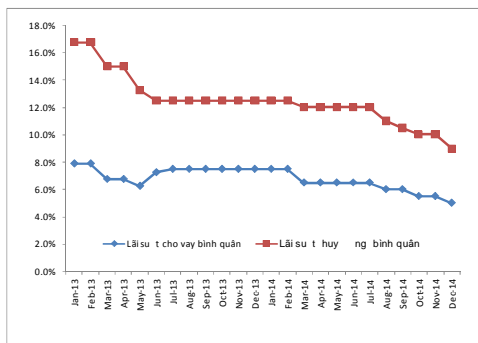
Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa cảnh báo rằng, với tình trạng 5% của các ngân hàng năm trong khoảng 350.000 t, thì 5% của con số này là 17.500 t. Do 4 ngân hàng quốc doanh không cho vay kinh doanh có phí nên số tiền cho vay kinh doanh có phí ước là 5% của 160.000 t tức là 8.000 t.

Bội chi ngân sách tính đến cuối năm 15/12/2014 là 154,4 nghìn t, bằng 69% mức bội chi cả năm 2014 là 224 nghìn t.



Nguồn: gso.vn

Lãi suất huy động và lãi suất cho vay tiền gửi
của các ngân hàng



Nguồn: PNS thống kê

Tăng trưởng tín dụng tính đến ngày 19/12 là 11,8% và dự báo năm tới 13%

Tính chung từ khi hoạt động năm 2014, doanh số mua nợ kỳ hạn từ 125 - 130 nghìn tỷ đồng với giá mua 105 nghìn tỷ đồng

Nội dung kinh doanh doanh nghiệp Việt Nam tăng

ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014 - 2015

Vấn đề xuất hiện nay ra sao?

Khoản cho vay năm 2014 VAMC dự kiến mua 70 - 80.000 tỷ đồng, nhưng các tổ chức tín dụng chỉ mua được 24/12/2014, còn số này là 81.600 tỷ đồng, với giá mua 67.275 tỷ đồng; phát hành trái phiếu công bố tại kho 58.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, dự kiến doanh số mua tối đa là 90 - 95.000 tỷ đồng với giá mua 70.000 tỷ đồng.

Tính chung từ khi hoạt động năm 2014, doanh số mua nợ kỳ hạn từ 125 - 130 nghìn tỷ đồng với giá mua 105 nghìn tỷ đồng.

X lý nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn

Hiện nay, VAMC gặp rất nhiều khó khăn trong việc thu hồi nợ. Nhiều trường hợp phải chờ đợi khách hàng nhận nợ khi bàn giao, họ tìm mọi cách trì hoãn; thậm chí, vì thế mà kêu gọi các khách hàng: "Sao doanh nghiệp phải sang số mà VAMC lại bị mất?"

Nợ xấu toàn hệ thống ngân hàng năm 2014

Theo nhìn nhận của TS Lê Xuân Nghĩa, nguyên Phó chủ nhiệm Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển kinh doanh, năm 2013, toàn hệ thống ngân hàng xử lý 30% tổng nợ xấu, tổng nợ 100.000 tỷ đồng và năm 2014 dự kiến xử lý phần lớn số còn lại. "Nhưng, theo tôi dự đoán năm 2014 nợ xấu toàn hệ thống có thể là 3-3,5%".

3. TÌNH HÌNH VÀ MÔI TRƯỜNG NỘI C VÀ N C NGOÀI

➤ TÌNH HÌNH NỘI C:

Theo khảo sát mức độ công bố của Công ty Dịch vụ Thông tin Tài chính WVB Việt Nam, chỉ số mức độ tin cậy kinh doanh (BCI) quý I/2013 tăng 31 điểm so với quý IV/2012. Kết quả cho thấy, 40% doanh nghiệp có khả năng đánh giá, nhận kinh tế Việt Nam sẽ tăng hơn so với 12 tháng trước; 35% đánh giá tiêu cực kinh tế Việt Nam và ngược lại và chỉ 25% cho rằng tiêu cực kinh tế kém hơn so với 12 tháng trước. Lý do tiêu cực tâm lý liên quan là các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ thị trường của Chính phủ đã có hiệu quả tích cực.

17/12, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và các phần tử Báo cáo triển vọng châu Á năm 2014 - 2015. Theo đó, ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2014 và 2015. Cụ thể, kinh tế Việt Nam dự báo sẽ tăng 5.6% trong năm 2014 và 5.8% trong năm tiếp theo. ADB cũng dự báo, tổng sản phẩm quốc nội năm 2014

D báo l m phát 2015 th p: “C h i ti p t c h lãi su t”.

Ngân hàng h lãi su t huy ng VND

Gia h n cho vay ngo i t h t n m 2015.

c a Vi t Nam s xu ng 4.2% (so v i m c d báo tr c là 4.5%) tr c khi t ng lên 5.5% trong n m ti p theo

Theo d ki n s b thì l m phát 2015 có th m c 4%. ây là thông tin c B K ho ch và u t a ra t i cu c h p v i Ngân hàng Nhà n c và các b Tài chính, Công Th ng ngày 17/12. Trong i u ki n l m phát nh trên, B K ho ch và u t - c quan ch trì xây d ng và i u hành m c tiêu t ng tr ng kinh t - cho r ng c n xem xét n vi c i u hành m t s m t hàng do nhà n c qu n lý giá. C n cân nh c th i i m i u ch nh, m c i u ch nh các lo i giá, nh y t , giáo d c, i n, x ng d u... cho phù h p tránh tác ng c ng h ng trong cùng th i i m n n n kinh t . L m phát 2015 có th m c th p, theo B K ho ch và u t chính là c h i ti p t c h lãi su t cho vay. Và theo tính toán s b , n u lãi su t cho vay gi m 1% s có tác ng t ng h p t i n n kinh t , làm GDP n m 2015 t ng thêm kho ng 0.45% và l m phát gi m kho ng 0.76%.

Hôm nay (22/12), S giao d ch Ngân hàng TMCP Ngo i th ng Vi t Nam (Vietcombank - VCB) v a i u ch nh bi u lãi su t huy ng VND. Theo ó, Vietcombank ã h m c lãi su t huy ng cao nh t t 6.3%/n m xu ng còn 6.2%/n m. C th , lãi su t huy ng VND k h n t 24 n 60 tháng là 6.2%/n m. Lãi su t huy ng k h n 12 tháng gi m 0.2 i m % t 6.2% xu ng còn 6%/n m. Lãi su t huy ng các k h n d i 12 tháng c Vietcombank gi nguyên t i m c i u ch nh t ngày 18/11. Theo ó, lãi su t không k h n v n 0.8%/n m, k h n 1 tháng là 4%/n m, k h n 3 tháng là 4.9% và k h n 6 tháng là 5.3%/n m

Trong n m 2013, 2014 v i tình hình s n xu t kinh doanh còn khó kh n, tín d ng ch a m r ng nhi u. Do ó, t o i u ki n cho các DN, NHNN ã cho phép các t ch c tín d ng t quy t nh vi c cho vay ngo i t v i 2 nhu c u: cho vay th c hi n các d án s n xu t hàng xu t kh u v i DN có ngu n thu ngo i t và cho vay các u m i nh p kh u x ng d u theo nh m c c a B Công th ng. Th i gian qua, NHNN ã ánh giá tình hình, cân nh c trên c s m c tiêu Qu c h i ra trong n m 2015 là t ng tr ng kinh t 6,2% và trên c s phân tích nhi u y u t , NHNN cho phép các t ch c tín d ng l i ti p t c c t quy t cho vay v i hai nhu c u này n h t n m 2015. Qua ánh giá, d n cho vay 2 l nh v c này chỉ m kho ng 30% t ng d n cho

S phát hành thêm 1 t USD trái phi u

vay ngo i t c a toàn h th ng, trong ó đ n cho vay xu t kh u chỉ m 24%, còn x ng d u kho ng 6%.

B Tài chính s ti p t c phát hành thêm 1 t USD trái phi u chính ph ra th tr ng v n qu c t v i k h n 10 n m. M c ích tái c c u n công. Có th công khai chi phí công tác n c ngoài c a các ngành, a ph ng. ó là thông tin c B tr ng B Tài chính inh Tì n D ng cho bi t t i h i ngh t ng k t n m 2014 và tri n khai nhi m v n m 2015 c a ngành tài chính t ch c ngày 24-12. Tr c ó u tháng 11, B Tài chính v a phát hành thành công 1 t USD trái phi u chính ph ra th tr ng qu c t o các kho n trái phi u chính ph ã phát hành tr c ây. Lãi su t phát hành là 4.8%/n m v i th i h n 10 n m.

m b o an toàn n công, B Tài chính cho bi t trong n m 2015 c b n VN s không vay th ng m i n c ngoài, lãi su t cao, th i h n ng n s d ng cân i cho ngân sách nhà n c

EU c nh báo ng ngh p th y s n Vi t Nam.

Ngày 25/12, B NN&PTNT có ch th , ngh các a ph ng giám sát, ki m tra x lý nghiêm các tr ng h p vi ph m trong vi c mua bán, s d ng hóa ch t kháng sinh c m s d ng trong nuôi tr ng th y s n, thu c thú y th y s n ngoài danh m c cho phép. T u n m 2014 n nay, có 29 lô hàng th y s n nuôi b c nh báo có kháng sinh Oxytetracycline v t m c gi i h n cho phép t i EU, Nh t B n; 18 lô b c nh báo nhi m ch t c m Nitrofurazone t i EU. M i ây, T ng v S c kh e và ng i tiêu dùng c a EU c nh báo tình tr ng trên gia t ng t bi n v i các lô hàng th y s n t Vi t Nam, có doanh nghi p b c nh báo 7-8 l n trong n m 2014. Phía EU yêu c u Vi t Nam kh c ph c kh n c p tr c ngày 9/1/2015, n u không s có bi n pháp ki m soát b sung, th m chí ng ng nh p th y s n t n c ta

➤ TIN N C NGOÀI:

Trung Qu c có th ch t ng tr ng 7.1% trong n m t i.

Kinh t Trung Qu c có th s t ng tr ng ch m l i 7.1% trong n m t i. Tình tr ng suy y u tr m tr ng và kéo dài c a th tr ng b t ng s n Trung Qu c v n là nguyên nhân chính kéo gi m à t ng tr ng c a n n kinh t l n th 2 th gi i trong th i gian g n ây, theo nh n nh c a chuyên gia kinh t tr ng Ma Jun t i PBOC. M c dù không i đi n cho quan i m chính th c c a PBOC, nh ng k t qu nghi n c u này v n c ng t i trên trang web c a ngân hàng trung ng n c này.

PMI sản xuất Trung Quốc xu hướng giảm 7 tháng

Đây cũng là lần đầu tiên trong 7 tháng qua, chỉ số PMI sản xuất của Trung Quốc xu hướng giảm - tăng trưởng 50 điểm. Cũng theo số liệu của HSBC/Markit, chỉ số PMI sản xuất của nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới giảm xuống 49,5 điểm trong tháng 12 từ mức 50 điểm của tháng 11. Bất chấp nỗ lực nới lỏng chính sách tài chính của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) trong tháng 11, lĩnh vực sản xuất của Trung Quốc ngày càng suy yếu sâu hơn về cụ thể.

Thị trường lao động Mỹ tiếp tục cải thiện.

Sáng 11/12, các nhà kinh tế dự báo thị trường lao động Mỹ trong quý 4 tháng 12 vẫn duy trì đà tăng 300,000, mức cho thấy sự tăng trưởng đáng kể ra mắt trên thị trường lao động. Theo báo cáo mới công bố hôm nay 18/12 của BLS, số người xin việc tăng 289,000 trong tuần kết thúc vào ngày 13/12. Như vậy, số người xin việc tăng 1 triệu 100 nghìn người trong tuần kết thúc 13/12 trong số 14 tuần qua qua ngưỡng 300,000 người. Trong khi đó, số người xin việc tăng trung bình trong 4 tuần qua giảm 750 người xuống 298,750 người.

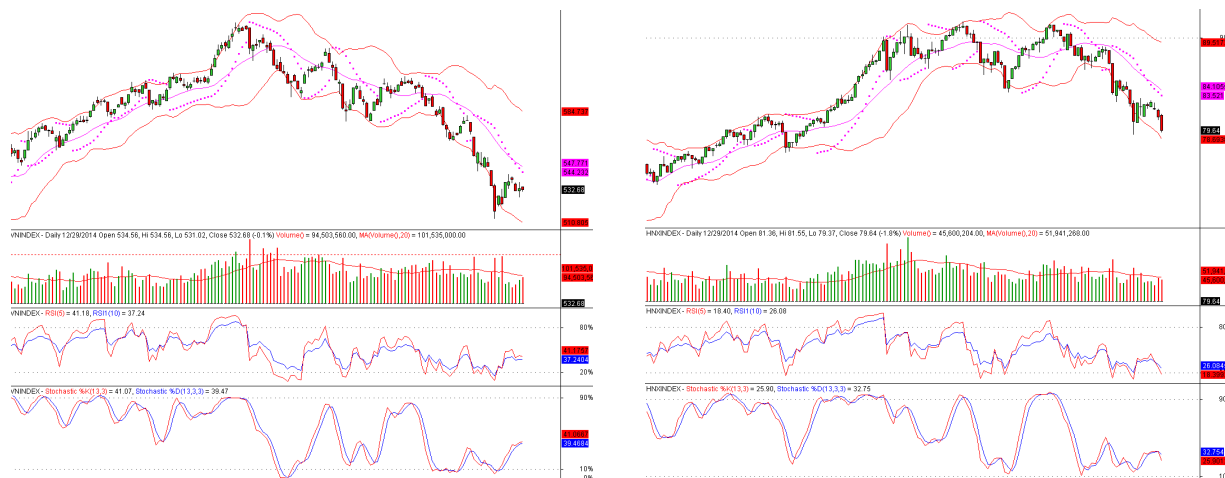
Nga ngừng xuất khẩu ngũ cốc.

Các nước nhập khẩu chủ chốt của Nga như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran và Ai Cập đã từ chối tiếp tục mua ngũ cốc từ Nga. Moscow đã áp dụng biện pháp kiểm soát xuất khẩu ngũ cốc vì các kiểm soát chặt chẽ hơn và hạn chế xuất khẩu hàng lên xe lửa hàng tháng 12 trong một nỗ lực để giảm bớt áp lực tài chính do giá dầu tăng và đồng ruble giảm giá. Theo ông Arkady Zlochevsky, người đứng đầu Liên minh Nông nghiệp Nga - tổ chức vận động hành lang của nông dân, thị trường Nga từ 18/12, không có chuyển hàng nào - đã lên lịch theo hợp đồng đã ký - ngược lại.

Nhật Bản thông qua gói kích thích kinh tế 29 tỷ USD

Ngày 27/12, chính phủ Nhật Bản chính thức thông qua gói kích thích kinh tế 29 tỷ USD nhằm vực dậy nền kinh tế thoát khỏi suy thoái. Với gói kích thích này, chính phủ Nhật Bản hy vọng, GDP của nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới sẽ tăng trưởng 0.7% trong năm nay sau khi bắt đầu rơi vào suy thoái trong quý III. Gói kích thích 3.5 nghìn tỷ yên (29.12 tỷ USD theo Reuters) được xem là bước đi táo bạo trong cam kết của Thủ tướng Shinzo Abe và Đảng Dân chủ do Nhật Bản sau khi đã thất bại trong cuộc bầu cử ngày 14/12.

4. TH K THU T



Ch t phiên giao d ch ngày 30/12, VN-Index lùi v m c 537 i m, gi m 29 i m, t ng ng gi m 5 %, s n HNX-Index lùi v m c 81 i m, gi m 7 i m, t ng ng gi m 6% so v i phiên giao d ch 31/11. Kh i l ng giao d ch bình quân trên sàn Hose t m c khá 105 tri u n v cp/phiên, gi m 19 % v i giá tr t 1.762 t ng/phiên, gi m 19% so v i trung bình tháng 11, còn trên sàn HNX kh i l ng giao d ch bình qu n tháng 12 t 51 tri u n v c phi u/phiên, gi m 20%, giá tr t 705 t ng/phiên, gi m 32% so v i trung bình tháng 11

❖ C phi u có thanh kho n cao nh t trong 20 phiên

STT	Mã CK	Tên t ch c niêm y t	S n	KLCP niêm y t (C phi u)	Kh i l ng TB 20 phiên	EPS (4 quý li n k) ng	P/BV	P/E	P/E ngành	H s Beta - HNX : 0.74 HSX: 0.76
1	FLC	CTCP T p o n FLC	HoSE	314,893,882	10,637,435	872	1.1	12	12.8	1.4
2	KLF	CTCP Liên Doanh u T Qu c T KLF	HNX	74,000,000	9,264,516	1,274	1.2	9	7.8	1.7
3	ITA	CTCP u T Công Nghi p Tân T o	HoSE	719,047,911	5,715,963	173	0.8	44	12.8	1.4
4	OGC	CTCP T p o n i D ng	VN30	300,000,000	5,355,911	525	0.9	14	12.3	1.4
5	SSI	CTCP Ch ng Khoan Sài Gòn	VN30	353,794,942	4,113,735	2,011	1.9	13	12.3	1.7
6	VHG	CTCP u T & S n Xu t Vi t Hàn	HoSE	75,000,000	3,961,476	1,192	1.4	10	8.7	2.2
7	SCR	CTCP a c Sài Gòn Th ng Tín	HNX 30	150,148,891	3,905,846	218	0.7	43	12.8	2.0
8	PVS	TCT C Ph n DV K Thu t D u Khí Vi t Nam	HNX 30	446,700,421	3,297,946	3,687	1.7	7	6.9	1.5
9	SHB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà N i	HNX 30	886,579,547	3,294,005	913	0.1	9	11.6	1.4
10	PVT	TCT C Ph n V n T i D u Khí	VN30	255,857,542	3,066,546	1,065	1.2	14	7.1	1.6
11	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	VN30	789,967,947	3,007,903	2,512	1.3	8	8.7	1.1
12	KBC	TCT PT ô Th Kinh B c - CTCP	HoSE	395,711,167	2,573,884	916	1.1	17	12.8	1.9
13	HQC	CTCP TV - TM - DV a c Hoàng Quân	HoSE	120,000,000	2,229,537	120	0.8	60	12.8	1.7
14	HAR	CTCP u T Th ng M i B S An D ng Th o i n	HoSE	36,399,875	2,222,339	421	1.1	24	12.8	1.8
15	STB	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Th ng Tín	VN30	1,242,511,590	2,173,213	1,971	0.1	8	11.6	0.7
16	SAM	CTCP u T & Phát Tri n Sacom	HoSE	130,798,432	2,046,834	544	0.7	23	8.8	1.5
17	HHS	CTCP u T D ch V Hoàng Huy	HoSE	38,249,948	1,681,172	1,572	1.5	11	7.8	0.6
18	FIT	CTCP u t F.I.T	HNX	46,777,494	1,612,273	2,704	2.1	8	12.3	1.2
19	PVC	TCT Dung D ch Khoan & Hóa Ph m D u Khí - CTCP	HNX 30	50,000,000	1,586,376	4,115	1.6	6	6.9	1.6
20	ASM	CTCP u T & Xây D ng Sao Mai T nh An Giang	HoSE	47,683,440	1,395,446	799	0.7	10	12.8	2.0



5. NH N NH XU H NG TH TR NG THÁNG 01.2015

Th tr ng ch ng khoán trong th i gian t i ch u nh h ng b i thông t 36 có hi u l c t ngày t ngày 01/02/2015, xét th y trong ng n h n dòng v n tham gia vào th tr ng b thu h p đ n n thanh kho n trên th tr ng s s t gi m, v dài h n dòng v n tham gia vào th tr ng s n nh và b n v ng h n, theo ó, PNS nh n nh xu h ng tháng 01/2015, th tr ng t i p t c i u ch nh gi m trong ng n h n, dòng v n s c luân chuy n vào các nhóm ngành nh b t ng s n, ngành s m l p và ngành v n t i... là nh ng ngành c d báo có k t qu kinh doanh t t, khuynh ngh nhà u t canh giá gia t ng thêm l ng c phi u trong danh m c, ch n c phi u có thanh kho n t t, n ít, c t c cao và có h ng v t khó trong nh ng phiên lung l c m nh, ho c trong các phiên i u ch nh gi m có th t ng b c gi i ngân cho vì c tích l y c phi u.

Ng ng h tr sàn Hose 532-560, kháng c là 685-590 i m, sàn Hnx 79-84 i m h tr , kháng c là 87-90 i m

KHUYẾN CÁO

Nội dung báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (PNS) cung cấp mang tính chất tham khảo. Mặc dù nội dung thông tin được thu thập từ các nguồn tin đáng tin cậy và các kiểm tra một cách cẩn thận, tuy nhiên PNS không đảm bảo o tuyệt đối tính chính xác của thông tin và không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào liên quan đến việc sử dụng báo cáo này.

Các ý kiến, dự báo và các tính chất liên quan đến các giá trị thị trường được phát hành, báo cáo chỉ mang tính chất tham khảo và không mang tính chất khuyến khích mua hay bán và không mang tính chất khuyến nghị nào.

Báo cáo này là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam (PNS). Không được sao chép, tái sản xuất, phát hành công khai hoặc phân phối báo cáo này vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự đồng ý của PNS.

PNS RESEARCH

Trưởng phòng : Tô Bành Quyên quyen.to@chungkhoanphuongnam.com.vn
Phó Phòng : Đặng Thanh Bình binh.dang@chungkhoanphuongnam.com.vn
Chuyên viên phân tích
: Lưu Niệm Dân dan.luu@chungkhoanphuongnam.com.vn
: Âu Gia Huê hue.au@chungkhoanphuongnam.com.vn

Email : info@chungkhoanphuongnam.com.vn
Website : www.Chungkhoanphuongnam.com.vn

TRỤ SỞ CHÍNH Địa chỉ : 28 – 30 – 32 Nguyễn Thị Nghĩa, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM. Tel: (848) 62556518 Fax: (848) 62556519	CHI NHÁNH SÀI GÒN Địa chỉ : 52 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM Tel: (84-8) 6.2959138 Fax: (84-8) 6.2959218	CHI NHÁNH HÀ NỘI Địa chỉ : Tầng 6 - Số 205 Giảng Võ Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84.04) 6283 3666 Fax: (84.04) 6273 2554
---	--	---